TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2020
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Võ Thành Hưng**

2/ Ông **Bùi Thanh Trí**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nhâm Thị Thanh Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ*** tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Nhu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Hữu L**, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện L, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: khu vực Y, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: **Bà Nguyễn Kim P**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: phường X, quận K, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: khu vực Y, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn Trần Hữu L trình bày: Tôi và bà Nguyễn Kim P chung sống với nhau và tiến tới hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Cần Thơ nay là phường X, quận K, thành phố Cần Thơ vào ngày 14/01/2000.

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau, về tình cảm cũng như tiền bạc, hôn nhân gia đình không đạt, đời sống gia đình không hạnh phúc. Chúng tôi đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hữu L yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Kim P.

+ Về con chung: có 02 con chung là Trần Kim N (nữ); sinh ngày 18/9/2000; Trần Hữu T (nam); sinh ngày 18/11/2005. Cháu N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại cháu T đang sống chung với gia đình. Khi ly hôn, ông L đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến trưởng thành, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Kim P trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông L về thời điểm kết hôn, vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông L thì bà P không đồng ý với lý do bà còn thương chồng, thương con. Ngoài ra, hiện tại bà đang bị bệnh rất nặng cần được điều trị và chăm sóc. Các con của bà còn nhỏ, không mong muốn cha mẹ ly hôn. Bà yêu cầu được hàn gắn tình cảm với chồng.

Vụ án đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về sự có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa ông L và bà P chưa thật sự nghiêm trọng, hiện tại bà P đang bị bệnh cần

được chăm sóc và điều trị, mâu thuẫn trong gia đình có thể hàn gắn. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Kim P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Cần Thơ nay là phường X, quận K, thành phố Cần Thơ vào ngày 14/01/2000 cho nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, ông L và bà P phát sinh mâu thuẫn, ông L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn*", tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét quan hệ hôn nhân*: Xét yêu cầu xin ly hôn của ông L, Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình chung sống giữa vợ chồng ông L và bà P là có mâu thuẫn, vợ chồng ông, bà không thể tự hàn gắn và khi Tòa án động viên hòa giải cũng không đoàn tụ được, ông L vẫn cương quyết ly hôn. Đối với bà P cho rằng, bà không đồng ý ly hôn với chồng là do bà còn thương chồng, thương con, vợ chồng có cự cải nhưng vẫn sống hạnh phúc. Tại phiên tòa hôn nay, ông L vẫn cương quyết ly hôn nhưng ông không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng cần phải ly hôn. Mặc khác, bà P có cung cấp cho Tòa án hồ sơ bệnh của bà P về bệnh đái tháo đường II, bệnh sỏi thận, hai mắt bị Đục thủy tinh thể. Hiện tại bà P cần được điều trị và có người chăm sóc trong thời gian lâu dài. Ngoài ra, hai con của ông L là Trần Kim N và Trần Hữu T cũng không muốn cha và mẹ ly hôn, để có gia đình trọn vẹn (Bút lục số 40). Hiện tại cháu T và cháu N đang chung sống với gia đình, cháu T vừa đậu vào lớp 10 trường Trung học phổ thông T, cháu N bị bệnh trầm cảm, rối loạn lo âu ám ảnh sợ hãi. Hai cháu cần được sự quan tâm, chăm sóc của cả cha và mẹ. Bà P hiện tại không có việc làm, ở nhà làm nội trợ, lo cho con và gia đình, ông L là trụ cột, là lao động chính trong gia đình, cần quan tâm chăm sóc vợ và các con nhiều hơn. Từ những phân tích trên cho thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng của ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Kim P chưa đến mức trầm trọng, có thể khắc phục để đoàn tụ, tình nghĩa vợ chồng phải quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Trần Hữu L là có căn cứ đúng pháp luật.

Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn, do đó về con chung; tài sản chung; nợ chung của vợ chồng Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Trần Hữu L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Trần Hữu L đối với bà Nguyễn Kim P.

Về con chung; tài sản chung; nợ chung của ông L và bà P, Hội đồng xét xử không xem xét. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn.

2. Về án phí:

* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Hữu L chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 006126 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ; ông L đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm theo quy định.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Trung Hiến